

Ngành : **Bất động sản** (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị

MUA

CTCP Tập Đoàn Đất Xanh (HSX: DXG)
Ngược gió đi lên

Giá hiện tại:	12,700	Ngày viết báo cáo:	23/06/2020	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây	15,400	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	518.3	LƯƠNG TRÍ THÌN	12.1%
Giá mục tiêu mới:	17,300	Vốn hóa (tỷ đồng)	6,685	VIETNAM ENTERPRISE INV	4.5%
Tỷ suất cổ tức	0%	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	5,913,986	CTCP ĐẦU TƯ NAV	4.5%
Tiềm năng tăng giá	36.2%	Sở hữu nước ngoài	49%	KIM VIETNAM GROWTH	3.3%

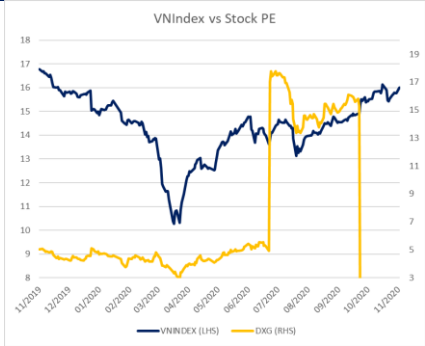
Chuyên viên phân tích ngành:
Phan Quốc Bửu
(Bất động sản, Dầu Khí, Bán lẻ)
buupq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:
Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn
Giá khuyến nghị: 17,500 VND
Giá cắt lỗ: 10,500 VND

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



	2019	2020F	Peer	VN-Index		2018	2019	2020F	2021F
PE (x)	6.9	8.2	13.7	14.7	Doanh thu	4,645	3,750	7,906	8,649
PB (x)	1.3	1.1	1.7	2.0	Lợi nhuận gộp	2,615	2,057	3,527	3,881
PS (x)	2.1	2.3	3.6	1.5	LNST công ty mẹ	1,178	1,217	302	1,315
ROE (%)	19.0%	14.5%	17.8 %	13.3	EPS	3,198	552	2,402	2,554
ROA (%)	8.9%	7.5%	5.5%	2.4	Tăng trưởng EPS	36%	-31%	-75%	335%
EV/ EBITDA (x)	3.0	4.6	3.6	14	Nợ ròng/ VCSH	57%	63%	80%	59%

Định giá

- BSC tiếp tục duy trì khuyến nghị MUA cổ phiếu DXG và tăng giá mục tiêu lên 17,300 đồng/cp (+36.2% so với mức giá đóng cửa ngày 11/11/2020) dựa trên phương pháp RNAV (tăng 12.4% so với giá mục tiêu cũ, do điều chỉnh cập nhật bổ sung thêm thông tin một số dự án) dựa trên phương pháp RNAV với mức chiết khấu WACC = 15% cho các dự án và mức 20% cho rủi ro ảnh hưởng từ pháp lý dự án hoặc nhu cầu thị trường bất động sản ở khu vực tỉnh suy yếu

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC dự báo doanh thu và LNST công ty mẹ năm 2020 của DXG lần lượt đạt 3,751 tỷ đồng (-35.5% YoY) và 302 tỷ đồng (-75% YoY). EPS 2020 = 552 đồng/cp.
- Năm 2021, DT và LNST công ty mẹ năm 2021 ước đạt 7,906 tỷ đồng (+110.8% YoY) và 1,315 tỷ đồng (+335% YoY). EPS 2021 FW =2,462 đồng/cp. PE 2021 FW = 5.4 lần.

Quan điểm đầu tư

- Lợi nhuận năm 2021-2022 hồi phục mạnh nhờ bàn giao hàng loạt dự án và mức nền thấp trong năm 2020.
- Doanh số bán hàng năm 2020 và 2021F dự kiến phục hồi mạnh ước đạt lần lượt 4,912 tỷ đồng (+30% YoY) và 5,955 tỷ đồng (+21.2% YoY).
- Kỳ vọng đẩy nhanh tiến độ pháp lý tại Hồ Chí Minh từ năm 2021, qua đó tháo gỡ các dự án đang bị hoãn lại (Gem Riverside).

Rủi ro

- Kế hoạch mở bán các dự án bị chậm lại do vấn đề pháp lý và dịch Covid-19
- Rủi ro chung ngành bất động sản (lãi suất cho vay, tính chu kỳ ngành)

Cập nhật doanh nghiệp

- Lợi nhuận 9T/2020 ghi nhận mức lỗ do (1) Ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng môi giới bất động sản, (2) Hạch toán lỗ chi phí tài chính 526.2 tỷ từ thoái vốn LDG và (3) Thiếu hụt sản phẩm bàn giao dự án thứ cấp trong 2020.
- Trong năm 2021, DXG dự kiến sẽ tiếp tục triển khai mở bán Dự án Cityview -Bình Dương (1,600 căn hộ) và giai đoạn 2 - dự án Gem SkyWorld Long Thành

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

2020 ước ghi nhận nền tảng kinh doanh thấp do các “cơn gió ngược chiều”. Lợi nhuận 9T/2020 ghi nhận mức lỗ do (1) Ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng môi giới bất động sản, (2) Hạch toán lỗ chi phí tài chính 526.2 tỷ từ thoái vốn LDG và (3) Thiếu hụt sản phẩm bàn giao dự án thứ cấp trong 2020.

Nền tảng kinh doanh thấp 2020 là tiền đề để DXG ghi nhận mức phục hồi mạnh trong năm sau. Theo đó, DXG đã ghi nhận triển khai bán hàng thành công giai đoạn 1 (khoảng 1,000 sản phẩm) của dự án Gem Sky World Long Thành trong Q3/2020, qua đó dự kiến sẽ hạch toán khoảng hơn 820 sản phẩm trong Q4/2020, ước tính ghi nhận khoảng 1,500 tỷ doanh thu, qua đó sẽ giúp xóa mức lỗ lợi nhuận trong 9T/2020.

	Q3/2020	Q3/2019	% YoY	9T2020	9T2019	%YoY
Doanh thu	797	1,457	-45%	1,877	3,798	102%
Mảng bất động sản thứ cấp	133	137	-3%	308	1,152	-73%
Mảng môi giới dịch vụ	591	1,096	-46%	1,288	2,134	-40%
Mảng hợp đồng xây dựng và khác	68	222	-70%	267	492	-46%
Lợi nhuận gộp	357	636	-44%	1,357	2,132	-36%
<u>Biên lợi nhuận gộp</u>	<u>80%</u>	<u>66%</u>		<u>72.3%</u>	<u>56.1%</u>	
Mảng bất động sản thứ cấp	41%	9%		45%	31%	
Mảng môi giới dịch vụ	98%	85%		94%	82%	
Chi phí bán hàng và Quản lý DN (SG&A)	250	249	0%	644	701	-8%
<u>%SG&A/DT</u>	<u>31.3%</u>	<u>17.1%</u>		<u>34.3%</u>	<u>18.5%</u>	
Chi phí tài chính ròng	(84)	(49)	0%	(724)	91	0%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	100	351	-71%	(388)	904	-243%
<u>Biên lợi nhuận ròng</u>	<u>13%</u>	<u>24%</u>		<u>N/A</u>	<u>24%</u>	

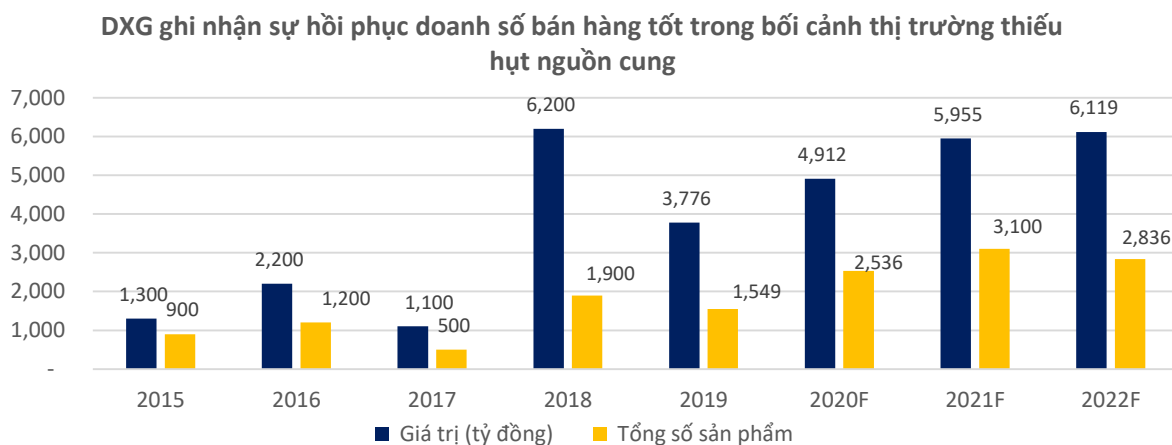
Nguồn: DXG, BSC Research

Xoay trục dự án sang các tỉnh thành lân cận Hồ Chí Minh là đòn bẩy cho kết quả kinh doanh phục hồi giai đoạn 2021-2022. Trong bối cảnh nguồn cung thị trường bất động sản Hồ Chí Minh tắc nghẽn, DXG đã nhanh chóng dịch chuyển sang thị trường khu vực giáp ranh với loạt dự án. Qua đó, doanh thu mở bán mới (pre-sales) năm 2020 ghi nhận sự cải thiện đáng kể, ước đạt 4,912 tỷ đồng (+30% YoY).

STT	Tên dự án	Thời gian mở bán dự kiến	Diện tích (ha)	Vị trí	Số sản phẩm	Tỷ lệ bán hàng	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Gem Sky World	Q2-Q4/2020	95.0	Đồng Nai	4,079	25%						
2	Gem Riverside	2021	6.7	Quận 2	3,181	31%						
3	St - Mortiz	2019	0.2	Thủ Đức	106	90%						
4	Opal Boulevard	2019	1.4	Bình Dương	1,446	100%						
5	Opal SkyLine	Q2/2020	1.0	Bình Dương	1,530	100%						
6	Opal City View	2021	1.0	Bình Dương	1,600	n/a						
7	Lux Star	2021	1.1	Quận 7	670	n/a						
8	Gem Premium	n/a	6.7	Thủ Đức	2,761	n/a						
9	The Palm City	n/a	7.4	Quận 9	519	n/a						
10	Opal Riverview	n/a	1.2	Thủ Đức	893	n/a						
11	Phố Mơ	n/a	2.6	Thủ Đức	800	n/a						
11	Opal City	n/a	6.1	Quận 9	2,524	n/a						
Total			130.4		20,109							

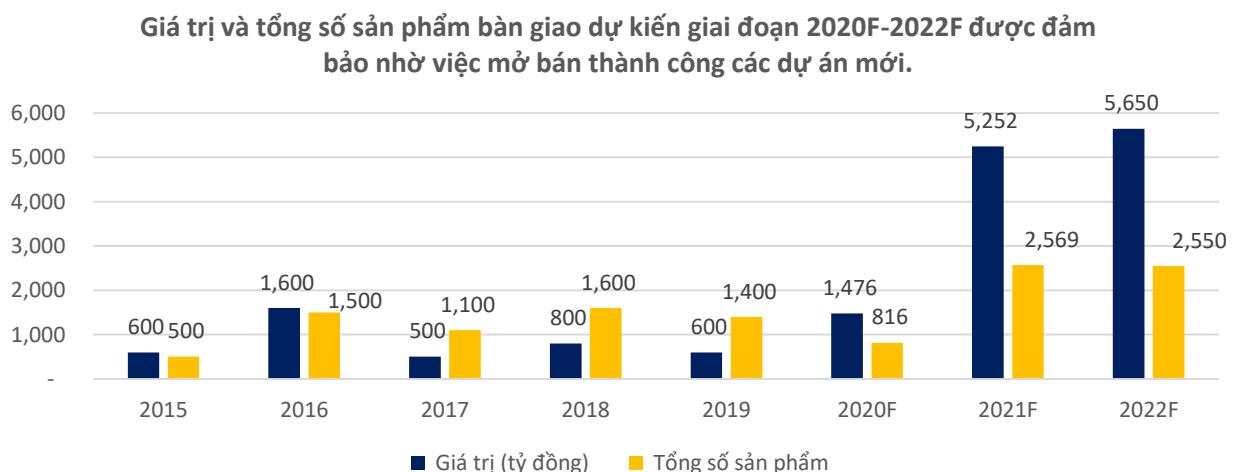
Trong năm 2021, DXG dự kiến sẽ tiếp tục triển khai mở bán Dự án Cityview -Bình Dương (1,600 căn hộ) và giai đoạn 2 - dự án Gem SkyWorld Long Thành. Tổng doanh thu pre-sales ước tính năm 2021 ước đạt 5,955 tỷ đồng (+21.2% YoY), với khoảng 3,100 sản phẩm. BSC đánh giá việc (1) Đẩy nhanh triển khai sân bay Long Thành và (2) Đẩy mạnh đầu tư công kết nối Long Thành – Dầu Giây – Phan Thiết có thể thúc đẩy nhu cầu đầu tư và giá bán tại các khu vực này.

Ngoài ra, DXG cũng đề ngỏ tiềm năng của các dự án ở khu vực Hồ Chí Minh trong trường hợp các vướng mắc về phê duyệt pháp lý được tháo gỡ. Theo ước tính của chúng tôi, DXG đang sở hữu 230ha quỹ đất, trong đó riêng HCM đang chiếm khoảng 26% trong tổng quỹ đất, nằm tại các khu vực đặc địa như Quận 2, Quận 9, Quận 7 và Quận Thủ Đức. Trong đó, đáng chú ý nhất là dự án Gem Riverside, hiện tại so với mức giá mở bán khoảng 35-36 triệu đồng/m² tại thời điểm 2018, giá một số sản phẩm chung cư xung quanh đang giao dịch đã tăng lên mức 45-50 triệu đồng/m². Do đó, trong trường hợp dự án Gem Riverside hoàn tất thủ tục pháp lý sẽ là cú hích lớn lên triển vọng của DXG trong trung hạn.



Nguồn: DXG, BSC Research

Triển vọng lợi nhuận giai đoạn 2021-2022 lạc quan hơn nhờ vào rõ danh mục sản phẩm có tính đa dạng và tính liên tục hơn. So với giai đoạn 2016-2018, triển vọng tăng trưởng kinh doanh của DXG tương đối phụ thuộc vào 1-2 dự án chính như Gem Riverside, thì trong giai đoạn 2018-2020, DXG đã cải thiện đáng kể số lượng dự án và doanh số mở bán mới. Điều này qua đó giúp giảm thiểu rủi ro vào việc tập trung vào 1-2 dự án.



Nguồn: BSC Research

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,751 tỷ đồng (-35.5% YoY) và 302 tỷ đồng (-75% YoY). EPS 2020 = 552 đồng/cp. PE 2020FW = 20.6

Năm 2021, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ước đạt 7,906 tỷ đồng (+110.8% YoY) và 1,315 tỷ đồng (+335% YoY) nhờ vào bàn giao các dự án (1) Boulevard, (2) Gem Sky World, (3) ST Moritz và sự hồi phục của mảng dịch vụ môi giới. EPS 2021 FW = 2,462 đồng/cp. PE 2021 FW = 5.4 lần.

Đơn vị: Tỷ đồng	2017A	2018A	2019E	2020F	2021F	2022F
Doanh thu	2,879	4,645	5,814	3,750	7,906	8,649
% YoY	15%	61%	25%	-35%	111%	9%
Giá vốn hàng bán	1,149	2,031	2,730	1,694	4,378	4,769
Lợi nhuận gộp	1,730	2,615	3,084	2,057	3,527	3,881
Chi phí bán hàng	295	434	483	312	657	719
Chi phí QLDN	249	346	501	324	682	746
EBIT	1,186	1,013	642	149	433	433
Doanh thu tài chính	66.1	129	120	753	199	199
Chi phí tài chính	62.7	37	44	74	90	90
Lãi/Lỗ từ công ty liên kết	128	14	126	195	993	993
LN trước thuế	1,335	1,128	1,226	1,024	1,535	1,535
Thuế TNDN	300	411	214	166	260	260
Lợi nhuận sau thuế	535	763	960	858	1,275	1,275
Lợi ích cổ đông thiểu số	128	256	149	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	751	1,178	1,217	302	1,315	1,398
% YoY	40%	57%	3%	-75%	335%	6%
EPS cơ bản (đồng)	2,353	3,198	2,222	552	2,402	2,554
Biên LNG	60%	56%	53%	55%	45%	45%
Biên LN ròng	26%	25%	21%	8%	17%	16%
ROE	20%	24%	17%	4%	15%	14%

Nguồn: BSC Research

ĐỊNH GIÁ

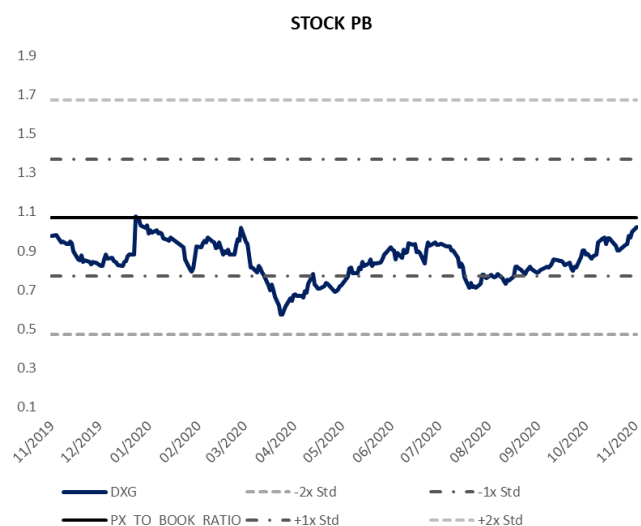
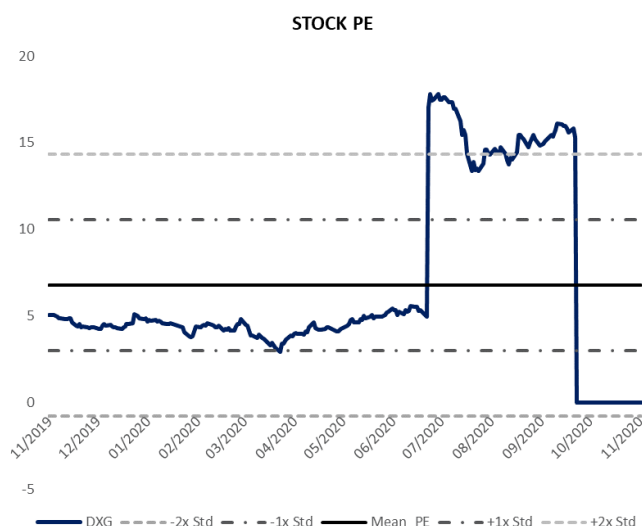
Thị giá cổ phiếu DXG ghi nhận diễn biến phục hồi tương đối tốt so với báo cáo gần nhất của chúng tôi ([Link báo cáo](#)) chủ yếu dựa vào việc triển khai mở bán thành công các dự án mới theo sát dự báo của BSC.

Với việc (1) triển khai mở bán thành công các dự án mới và (2) Bổ sung thêm danh mục dự án vào quỹ đất, (3) Các dự án ở khu vực Hồ Chí Minh có thể được tái triển khai từ năm 2021 và (4) Kết quả kinh doanh 2021 phục hồi mạnh từ mức nền thấp, BSC tiếp tục duy trì khuyến nghị **MUA** cổ phiếu DXG và tăng giá mục tiêu lên 17,300 đồng/cp (+34% so với mức giá đóng cửa ngày 09/11/2020) dựa trên phương pháp RNAV với mức chiết khấu WACC = 15% cho các dự án và mức 20% cho rủi ro về khả năng chậm trễ trong tiến độ bán hàng do ảnh hưởng từ pháp lý dự án hoặc nhu cầu thị trường bất động sản ở khu vực tỉnh suy yếu

Định giá				
Tỷ Đồng	Phương pháp	Tổng giá trị	Tỷ lệ sở hữu	>DXG
Bất Động Sản				10,217
Opal Boulevard	DCF	719	100%	719
Gem Sky World (Long Thành)	DCF	3,886	100%	3,886
Opal Skyline	DCF	817	100%	817
Opal Skyview	DCF	293	100%	229
Lux Riverview	DCF	550	100%	430
Gem Riverside	DCF	2,079	100%	1,628
Opal City	DCF	1,332	100%	1,043
The Palm City	DCF	481	100%	377
Opal Premium	DCF	781	75%	459
Lux Star	DCF	616	100%	482
Opal Tower	DCF	187	100%	146
Môi giới				2,112
Môi giới	DCF	2,112	100%	2,112
(+) Tiền mặt		4,725		4,725
(-) Nợ vay		5,835		5,835
Tổng giá trị đánh giá lại				11,220
Tổng số lượng cổ phiếu				519,784,611
Giá ngày 09/11/2020				12,750
Chiết khấu				20%
Giá trị hợp lý				17,280
Tiềm năng tăng trưởng				36%

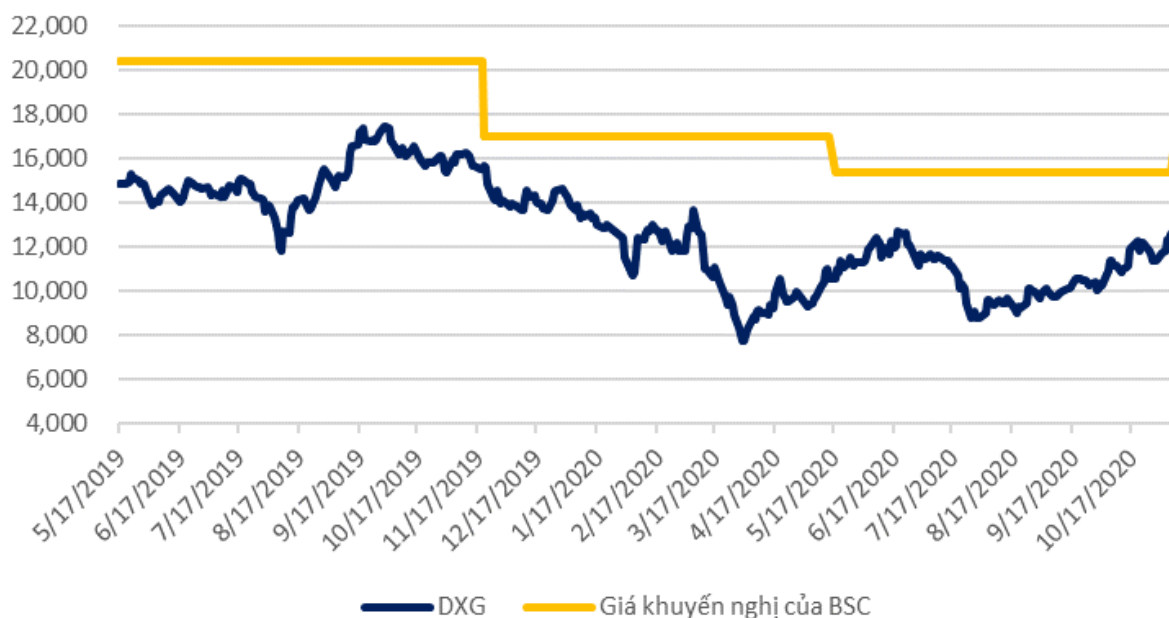
Nguồn: BSC Research

Kết quả kinh doanh phục hồi mạnh trong năm 2021 và gia tăng thêm quỹ đất ở khu vực Bình Dương, trong khi đó định giá vẫn còn ở mức hấp dẫn với PE FW 2021 = 5.4 lần và PB FW 2021=0.8 lần



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI KHUYẾN NGHỊ

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI KHUYẾN NGHỊ BSC



Bảng cập nhật tiến độ dự án và kế hoạch mở bán 2020

Dự án	Tiến độ xây dựng	Kế hoạch mở bán
Gem SkyWorld 	Đang trong giai đoạn hoàn thiện thi công hạ tầng cơ sở nội khu tiện ích, đã hoàn thành nhà điều hành. (Link)	Dự kiến mở bán phase 2 trong Q4/2020.
Opal Boulevard 	Đã cất nóc vào cuối T07/2020, đang hoàn thiện mặt ngoài và phía trong. Dự kiến bàn giao vào Q1-Q2/2021 (Link)	Đã hoàn tất mở bán
Opal Skyline 	Đã bàn giao 1,400 căn hộ Flora GD1 (Link)	Đã hoàn tất mở bán
St-Mortiz 	Thi công tới tầng 5 (Link)	Đã bán được 90% tổng dự án

Nguồn: BSC Research tổng hợp

PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ đồng)	2018	2019	2020F	2021F
Doanh thu thuần	4,645	5,814	3,750	7,906
Giá vốn hàng bán	2,031	2,730	1,694	4,378
Lợi nhuận gộp	2,615	3,084	2,057	3,527
Chi phí bán hàng	(434)	(483)	(312)	(657)
Chi phí QLDN	(346)	(501)	(324)	(682)
Lãi/lỗ HĐKD	1,835	2,099	1,422	2,188
Doanh thu tài chính	207	270	39	83
Chi phí tài chính	(191)	(209)	(828)	(263)
Chi phí lãi vay	(163)	(199)	(292)	(253)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	256	149	-	-
Lãi/lỗ khác	(6)	79	-	-
Lợi nhuận trước thuế	2,102	2,389	633	2,009
Thuế thu nhập DN	(379)	(502)	(134)	(426)
LN sau thuế	1,723	1,886	499	1,583
CĐTS	544	670	197	268
LNST - CĐTS	1,178	1,217	302	1,315
EBITDA	1,859	2,138	1,459	2,234
EPS	3,198	2,222	552	2,402

CĐKT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020F	2021F
Tiền và tương đương tiền	1,159	793	4,426	2,695
Đầu tư ngắn hạn	382	306	306	306
Phải thu ngắn hạn	5,567	47,468	57,470	69,872
Tồn kho	4,605	6,791	9,774	10,529
TS ngắn hạn khác	103	152	98	207
TS ngắn hạn	11,816	17,059	20,764	20,231
TS hữu hình	24	362	472	736
Khấu hao	262	352	1,292	1,802
TS dở dang dài hạn	200	75	75	75
ĐT dài hạn	1,176	1,185	107	107
TS dài hạn khác	269	928	599	1,262
TS dài hạn	1,913	2,814	2,057	2,984
Tổng TS	13,729	19,874	22,821	23,215
Nợ phải trả	581	1,187	648	711
Vay ngắn hạn	471	1,063	1,197	1,264
Nợ ngắn hạn khác	4,065	5,027	6,775	6,568
Tổng Nợ ngắn hạn	5,118	7,277	8,619	8,543
Vay dài hạn	2,394	3,337	4,638	3,793
Nợ dài hạn khác	18	40	40	40
Tổng Nợ dài hạn	2,412	3,376	4,677	3,833
Tổng Nợ	7,530	10,653	13,297	12,376
Vốn góp	3,501	5,200	5,200	5,200
Thặng dư vốn cổ phần	11	11	11	11
LN chưa phân phối	1,456	1,716	2,008	3,312
Vốn chủ khác	-	-	-	-
Cổ đông thiểu số	1,199	2,239	2,239	2,239
Tổng Vốn chủ sở hữu	5,000	6,982	7,285	8,600
Tổng nguồn vốn	13,729	19,874	22,820	23,214
Số lượng cổ phiếu lưu hành	350	520	520	520

LCTT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020F	2021F
(Lỗ)/LNST	1,178	1,217	302	1,315
Khấu hao và phân bổ	24	352	1,292	1,802
Thay đổi vốn lưu động	(932)	30,026	(19,619)	(25,522)
Điều chỉnh khác	5	22	-	-
LCTT từ HĐ KD	(932)	(1,646)	1,267	(643)
Tiền chi mua TSCĐ	(137)	(228)	(147)	(310)
Đầu tư khác	(42)	(942)	-	-
LCTT từ HĐ Đầu tư	(0)	(1,413)	931	(310)
Tiền chi trả cổ tức	(476)	(3,687)	(5,694)	(5,694)
Tiền từ vay ròng	337	1,537	1,435	(777)
Tiền thu khác	542	1,636	-	-
LCTT từ HĐ Tài chính	403	2,693	1,435	(777)
Dòng tiền đầu kỳ	1,687	1,159	793	4,426
Tiền trong kì	(529)	(365)	3,632	(1,730)
Dòng tiền cuối kỳ	1,159	793	4,426	2,695

Chỉ số(%)	2018	2019	2020F	2021F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	2.3	1.1	1.3	1.3
Hsố TT nhanh	1.4	0.7	0.8	0.7

Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	21%	22%	26%	22%
Hsố Nợ/VCSH	57%	63%	80%	59%

Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	685	344	734	503
Số ngày phải thu	354	321	256	228
Số ngày phải trả	37	71	72	48
CCC	1002	594	918	682

Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	56.3%	53.0%	54.8%	44.6%
Lợi nhuận LNST	25.4%	20.9%	8.1%	16.6%
ROE	23.6%	17.4%	4.1%	15.3%
ROA	8.6%	6.1%	1.3%	5.7%

Định Giá				
PE	3.8	5.5	23.4	5.4
PB	0.9	1.0	0.9	0.8

Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	61.3%	33.5%	45.1%	36.2%
Tăng trưởng EBIT	54.7%	14.4%	-32.3%	53.9%
Tăng trưởng LNTT	57.4%	13.6%	-73.5%	217.3%
Tăng trưởng EPS	35.9%	-30.5%	-75.2%	335.0%

Nguồn: BSC Research.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

